

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2023/HSPT

Ngày 07-8-2023

**NHÂN DA  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đỗ Văn Hiên

*Các Thẩm phán:* Ông Lưu A Tuấn; Bà Đinh Thị Như Phượng

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Nga, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa:** bà Đỗ Thị Hoà - Kiểm sát viên.

Ngày 07-8-2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 38/2023/TLPT-HS ngày 26/5/2023 đối với bị cáo Võ Ngọc Th, Nguyễn Thị L, do có kháng cáo của các bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 06/2023/HSST ngày 12/4/2023 của Tòa án nhân dân huyện Đak Pơ, tỉnh Gia Lai.

**\* Bị cáo có kháng cáo:**

**Võ Ngọc Th**, sinh năm 1971, tại huyện P, tỉnh Bình Định; Nơi cư trú: làng K, xã Y, huyện Đ, Gia Lai; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ văn hóa: 8/12; Dân tộc: kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Võ Ngọc Th, sinh năm 1949 và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1950; Có vợ là Nguyễn Thị L1, sinh năm 1978 và có 03 người con chung; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân **Th**: Tốt; Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 03/11/2022 cho đến nay, hiện có mặt tại phiên tòa.

**Nguyễn Thị L**, sinh năm 1978, tại huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định; Nơi cư trú: làng K, xã Y, huyện Đ, Gia Lai; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ văn hóa: 5/12; Dân tộc: kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Hồng Th, sinh năm 1951 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1952; Có chồng là Võ Ngọc Th, sinh năm 1971 và có 03 người con chung; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân **Th**: Tốt; Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 29/12/2022 cho đến nay, hiện có mặt tại phiên tòa.

\* Người bào chữa cho các bị cáo: Luật sư Hồ Thị Hương, Công ty Luật TNHH Inteco, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bình Định. Có mặt

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

1.Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2007 vợ chồng ông Nguyễn Ngọc A và bà Phan Thị Th có sang nhượng diện tích đất 29.257m<sup>2</sup> tại thôn 2, xã Y, huyện Đ cho vợ chồng ông Võ Ngọc Th và bà Nguyễn Thị L. Do phía bên trong ông A còn đất rẫy đang cA tác nên vợ chồng ông Th và vợ chồng ông A viết giấy thỏa thuận chừa lối đi chung để vợ chồng ông A vận chuyển nông sản ra đường, thời gian sử dụng lối đi liên tục, lâu dài và kế thừa cho những người sau này. Sau đó, ngày 17/01/2008 Ủy ban nhân dân huyện Đ đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL724166 toàn bộ diện tích đất trên cho ông Th và bà L. Đến ngày 28/3/2015 ông Th tiến hành cày phần lối đi này để làm đất sản xuất và trồng cây mì nên xảy ra trA chấp về lối đi chung, vợ chồng ông A khởi kiện ra Tòa án để giải quyết bằng vụ án dân sự.

Bản án dân sự số 01/2017/DS-ST ngày 10/4/2017 của Tòa án nhân dân huyện Đ về việc “*TrA chấp lối đi*”, tại phần Quyết định của Bản án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông A và bà **Th**, buộc ông Thái và bà Lê phải chừa lại lối đi cho ông A và bà **Th**, diện tích là 568m<sup>2</sup> đất màu thuộc thửa đất số 123, tờ bản đồ số 41 tại thôn 2, xã Yang Bắc, Đak Pơ và buộc ông A và bà **Th** thA toán cho ông Thái và bà Lê số tiền 5.680.000đồng là trị giá tài sản của diện tích 568m<sup>2</sup> đất làm lối đi chung, số tiền này ông A và bà **Th** đã nộp đầy đủ tại Chi cục thi hành án dân sự để đảm bảo việc thi hành án.

Tuy nhiên sau khi bản án có hiệu lực pháp luật ông Th và bà L không chấp hành Bản án số 01/2017/DSST ngày 10/4/2017 của Tòa án nhân dân huyện Đ, nên ngày 22/3/2018 Chi cục thi hành án dân sự huyện Đak Pơ đã ra Quyết định về việc cưỡng chế kê biên xử lý tài sản số: 03/QĐ-CCTHA. Đến ngày 03/4/2018, Chi cục thi hành án dân sự huyện Đak Pơ tiến hành cưỡng chế giao lối đi cho ông A và bà **Th** theo đúng quy định của pháp luật. Quá trình cưỡng chế, giao đất Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ và ông A có đóng một số cọc sắt chữ “V” xuống đất để làm rA giới lối đi, ông Thái và bà Lê không tham gia việc cưỡng chế nhưng sau đó đã tự ý nhổ hết các cọc sắt chữ “V” và trồng mì trên phần đất đã thi hành án với mục đích không cho ông A sử dụng lối đi. Ngày 06/6/2018 gia đình ông A phát hiện phần diện tích lối đi đã trồng mì, các cọc sắt chữ “V” bị nhổ bỏ nên báo cáo UBND xã Y để giải quyết, UBND xã nhiều lần mời vợ chồng ông Th và bà L đến làm việc nhưng vợ chồng ông Thái và bà Lê không đến để giải quyết.

Ngày 12/3/2022 gia đình ông A bán cây keo cho A Nguyễn Linh, A Linh sử dụng xe ô tô BKS 81C-149.50 để chở cây đi qua phần lối đi trên diện tích 4mx142m mà Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ đã giao cho vợ chồng ông A, đã làm hư hỏng cây mì của vợ chồng ông Thái trồng. Sau đó, ông Th và bà L đến để ngăn cản không cho xe đi qua, sau khi báo Công an xã Y đến can thiệp thì vợ chồng ông Th và bà L yêu cầu ông A phải bồi thường số tiền thiệt hại cây mì là 5.000.000đồng mới cho xe ô tô chở keo đi qua phần đất trên, ông A đồng ý giao số

tiền 5.000.000đồng cho ông Th và nhờ ông Vũ Đăng S viết giúp giấy thỏa thuận. Ngày 18/3/2022 UBND xã Y đã mời ông A và vợ chồng ông Th đến làm việc, tuy nhiên vợ chồng ông Th đưa ra điều kiện trả theo thiệt hại mùa vụ trồng mì hoặc cắt chừa hẻm đường đi với giá 18.000.000đồng mới cho ông A sử dụng lối đi trên diện tích đất là 568m<sup>2</sup>.

Đến ngày 04/7/2022 ông A viết đơn tố giác gửi Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Đak Pơ để xử lý vợ chồng ông Th và bà L theo quy định của pháp luật. Sau khi tiếp nhận nguồn tin về tội phạm, các cơ quan chức năng đã tiến hành khám nghiệm hiện trường, xác định rA giới trA chấp lối đi diện tích 568m<sup>2</sup> (rộng 4m, dài 142m), quá trình khám nghiệm hiện trường và đến nay ông Thá và bà L vẫn tiếp tục trồng cây mì và không chấp hành thực hiện theo Quyết định của Bản án dân sự số 01/2017/DSST ngày 10/4/2017 của Tòa án nhân dân huyện Đak Pơ.

2. Giải quyết của Tòa án cấp sơ thẩm: Bản án hình sự sơ thẩm số 06/2023/HSST ngày 12/4/2023 Tòa án nhân dân huyện Đak Pơ, tỉnh Gia Lai đã quyết định: Tuyên bố bị cáo Võ Ngọc Th, Nguyễn Thị L phạm tội “Không chấp hành án”

Áp dụng khoản 1 Điều 380; điểm i khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Võ Ngọc Th 06 tháng tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày có biên bản bắt bị cáo đi thi hành án.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị L 04 tháng tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày có biên bản bắt bị cáo đi thi hành án.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên nghĩa vụ chịu án phí, quyền kháng cáo của các bị cáo theo quy định pháp luật.

3. Kháng cáo của bị cáo: bị cáo Võ Ngọc Th, Nguyễn Thị L kháng cáo xin hưởng án treo.

4. Diễn biến tại phiên tòa phúc thẩm:

\* Các bị cáo cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ là biên lai thu tiền án phí hình sự sơ thẩm, lệ phí thi hành án, chi phí cưỡng chế, đơn xin giảm nhẹ hình phạt, đơn trình bày hoàn cảnh gia đình khó khăn, ông nội của bị cáo Thái được tặng Bằng khen kháng chiến chống Mỹ, bản **Th** các bị cáo Thái, Lê thường xuyên đau ốm, cung cấp giấy nhận tiền và lối đi, giấy mượn GCNQSDĐ thể hiện ông Nguyễn Ngọc Adã nhận của Võ Ngọc Th, Nguyễn Thị L số tiền 5.000.000 đồng, Võ Ngọc Th, Nguyễn Thị L đã giao trả lại lối đi 568m<sup>2</sup> cho ông A và cho ông A mượn Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của để làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo trình bày do bản **Th** nhận thức pháp luật kém nên mới dẫn đến sự việc, thật sự ăn năn hối cải về hành vi phạm tội, rút kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, giữ nguyên kháng cáo xin hưởng án treo. Mong HĐXX chấp nận kháng cáo của các bị cáo.

\* Trong phần trA luận, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 355, điểm c, e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự, chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo Nguyễn Thị L, không chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của Võ Ngọc Th, nhưng giảm cho bị cáo Thái 02 tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 380; điểm b, i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Võ Ngọc Th 04 tháng tù

Áp dụng khoản 1 Điều 380; điểm b, i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Nguyễn Thị L 04 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 08 tháng, tính từ ngày tuyên án phúc thẩm

Người bào chữa cho các bị cáo: Đồng ý bản án sơ thẩm xét xử bị cáo về tội dA và điều luật. Mong HĐXX xem xét các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của các bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tra tụng tại phiên tòa, có đủ cơ sở khẳng định rằng:*

**[1]** Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận rõ hành vi phạm tội phù hợp với nội dung bản án sơ thẩm: các bị cáo Võ Ngọc Th, Nguyễn Thị L là bị đơn trong vụ án dân sự “TrA chấp lỗi đi” của bản án dân sự số 01/2017/DSST ngày 10/4/2017 của Tòa án nhân dân huyện Đak Pơ đã có hiệu lực pháp luật, quyết định tuyên giao cho ông Nguyễn Ngọc A, bà Phan Thị Thlỗi đi diện tích 568m<sup>2</sup> (ngang 4m x dài 142m). Tuy nhiên Võ Ngọc Th, Nguyễn Thị L không chấp hành bản án, nên Chi cục Thi hành án huyện Đak Pơ ra Quyết định cưỡng chế kê biên xử lý tài sản, đóng cọc và giao lỗi đi cho ông A, bà **Th** thì bị Thái, Lê gỡ bỏ cọc và trồng mỳ, khi ông A, bà **Th** cho xe chở keo qua phần diện tích được giao thì bị Võ Ngọc Th, Nguyễn Thị L ngăn cản, không cho xe qua và yêu cầu ông A, bà **Th** phải bồi thường thiệt hại cây mỳ số tiền là 5.000.000 đồng.

Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Võ Ngọc Th, Nguyễn Thị L về tội “Không chấp hành án” theo khoản 1 Điều 380 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng tội.

**[2]** Sau khi xét xử sơ thẩm, các bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, xin hưởng án treo. Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo rút kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, giữ nguyên kháng cáo xin hưởng án treo, HĐXX xét kháng cáo xin hưởng án treo của các bị cáo, thấy rằng:

Giai đoạn phúc thẩm, các bị cáo cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ là biên lai thu tiền án phí hình sự sơ thẩm, tiền chi phí cưỡng chế, lệ phí thi hành án; đơn xin giảm nhẹ hình phạt, đơn trình bày hoàn cảnh gia đình khó khăn, ông nội của bị cáo Thái được tặng Bằng khen kháng chiến chống Mỹ, bản **Th** các bị cáo thường xuyên đau ốm; mặc khác các bị cáo còn cung cấp thêm giấy nhận tiền và lỗi đi có

xác nhận của chính quyền địa phương, giấy mượn GCNQSDĐ có nội dung thể hiện ông Nguyễn Ngọc Đã nhận của Võ Ngọc Th, Nguyễn Thị L số tiền 5.000.000 đồng, Võ Ngọc Th, Nguyễn Thị L đã giao trả lại lối đi 568m<sup>2</sup> cho ông A và cho ông A mượn Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của để làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; thừa nhận bản **Th** do hiểu biết pháp luật kém, đã hành vi vi phạm pháp luật nên thật sự ăn ă hối cải, thừa nhận hành vi phạm tội và đồng ý với tội dA và điều luật như bản án sơ thẩm đã tuyên.

Hội đồng xét xử xét thấy, các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, giai đoạn phúc thẩm phát sinh nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là đã thành khẩn khai báo, ăn ă hối cải, trực tiếp gặp người liên quan để thoả thuận về việc trả tiền, lối đi chung, cho thấy thái độ và ý thức của các bị cáo đã thật sự ăn ă hối cải về hành vi phạm tội và cung cấp thêm cho Toà án nhiều tình tiết giảm nhẹ khác nên được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự để xem xét quyết định hình phạt. Với tính chất mức độ hành vi phạm tội như trên và xét nhân **Th**, thái độ ăn ă hối cải tự nguyện sửa chữa của các bị cáo thể hiện việc các bị cáo có thể tự cải tạo dưới sự giám sát, giáo dục của gia đình và địa phương, việc cho các bị cáo được hưởng án treo không gây nguy hiểm đến tình hình trật tự trị an. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự, chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, sửa bản án sơ thẩm, giữ nguyên mức hình phạt tù và cho các bị cáo được hưởng án treo.

**[3]** Về án phí phúc thẩm: Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

***Vì các lẽ trên,***

## **QUYẾT ĐỊNH**

**1.** Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Võ Ngọc Th, Nguyễn Thị L. Sửa bản án sơ thẩm số 06/2023/HSST ngày 12/4/2023 của Tòa án nhân dân huyện Đak Pơ về phần hình phạt đối với bị cáo.

Tuyên bố các bị cáo Võ Ngọc Th và Nguyễn Thị L phạm tội “*Không chấp hành án*”.

Áp dụng khoản 1 Điều 380; Điều 38; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Võ Ngọc Th **6** (sáu) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 12 tháng, tính từ ngày 07/8/2023

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị L 4 (bốn) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 12 tháng, tính từ ngày 07/8/2023

Giao bị cáo Võ Ngọc Th, Nguyễn Thị L cho Ủy ban nhân dân xã Y, huyện Đ, tỉnh Gia Lai giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo Võ Ngọc Th, Nguyễn Thị L có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã Y, huyện Đ, tỉnh Gia Lai trong việc giám sát, giáo dục bị cáo Võ Ngọc Th, Nguyễn Thị L.

Trường hợp bị cáo Võ Ngọc Th, Nguyễn Thị L thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo Võ Ngọc Th, Nguyễn Thị L cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 2 (hai) lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo Võ Ngọc Th, Nguyễn Thị L phải chấp hành hình phạt tù của bản án này. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc bị cáo Võ Ngọc Th, Nguyễn Thị L phải chấp hành hình phạt của này và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật hình sự năm 2015.

2. Về án phí: căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: các bị cáo Võ Ngọc Th, Nguyễn Thị L không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án ./.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Gia Lai;
- Sở tư pháp tỉnh Gia Lai;
- CQCSĐT huyện Đắk Pơ;
- VKS huyện Đắk Pơ;
- TAND huyện Đắk Pơ;
- Chi cục THADS huyện Đắk Pơ;
- Bị cáo; NTGTT
- Lưu VT, THS, HSVA.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Đỗ Văn Hiên**